

Bản án số: 06/2024/HCST  
Ngày 24-01-2024  
V/v “Khiếu kiện quyết  
định hành chính về lĩnh  
vực quản lý đất đai”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thị Anh Đào

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Phạm Ngọc Vinh

Ông Phan Minh Á

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Trần Khắc Cường - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 01 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 157/2023/TLST-HC ngày 01 tháng 11 năm 2023 về việc “*Khiếu kiện quyết định hành chính về lĩnh vực quản lý đất đai*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2024/QĐXXST-HC ngày 11 tháng 01 năm 2024, giữa các đương sự:

**- Người khởi kiện:** Bà Trần Thị H, sinh năm 1960. Vắng mặt.

*Người đại diện theo ủy quyền:* Ông Huỳnh Thái B, sinh năm 1996. Có mặt.

Cùng địa chỉ: Thôn A, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Nam.

**- Người bị kiện:** Ủy ban nhân dân huyện T; địa chỉ: Số H H, thị trấn T, huyện T, tỉnh Quảng Nam.

*Người đại diện theo ủy quyền:* Ông Nguyễn Hùng A - Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T. Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp:* Ông Võ Vi N - Chuyên viên Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện T. Có mặt.

**- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Ông Huỳnh Khánh T, sinh năm 1990. Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử

vắng mặt.

2. Bà Huỳnh Thị Thu A1, sinh năm 1993. Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

3. Ông Huỳnh Thái B, sinh năm 1996. Có mặt.

Cùng địa chỉ: Thôn A, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Nam.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***Theo đơn khởi kiện, các văn bản có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện trình bày:***

Năm 1990, vợ chồng bà H có làm một ngôi nhà ở trên diện tích đất khoảng 400m<sup>2</sup>, làm vườn với diện tích khoảng 10.000m<sup>2</sup> và sử dụng đất ổn định, liên tục từ năm 1990 đến nay tại thửa đất số 1099, tờ bản đồ số 01 tại đồi R - thôn A, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Nam (đỉnh đèo L, giáp ranh giữa xã T và xã T, huyện T) thuộc thôn A, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Nam. Việc sử dụng đất ở, nhà ở, làm vườn trên diện tích đất trên được Ủy ban nhân dân (UBND) xã T, huyện T và những người dân sử dụng đất xung quanh xác nhận. Tuy nhiên, năm 2010, Ủy ban nhân dân huyện T không kiểm tra xác minh mà cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho ông Huỳnh T1 và bà Trần Thị H đối với thửa đất số 1099, tờ bản đồ số 01, diện tích 7.524m<sup>2</sup>, mục đích sử dụng đất là đất rừng sản xuất. Bà H đã gửi đơn kiến nghị đến Ủy ban nhân dân huyện T để yêu cầu thu hồi Giấy chứng nhận vào ngày 13/10/2023 và Ủy ban nhân dân huyện đã trả lời không có cơ sở thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BC 414373 đã cấp. Xét thấy vợ chồng bà H đã làm nhà ở, làm vườn trên diện tích đất này từ năm 1990 nhưng Ủy ban nhân dân huyện T lại công nhận diện tích thửa đất số 1099, tờ bản đồ số 01 có mục đích sử dụng là đất rừng sản xuất là không phù hợp, trái với quy định của pháp luật đất đai, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích của bà H.

Do đó, bà Trần Thị H khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết: Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BC 414373 ngày 30/6/2010 do Ủy ban nhân dân huyện T cấp cho ông Huỳnh T1 và bà Trần Thị H (địa chỉ: Thôn A, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Nam) đối với thửa đất số 1099, tờ bản đồ số 01, diện tích 7.524m<sup>2</sup>, loại đất rừng sản xuất; địa chỉ tại đồi R - thôn A, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Nam.

Tại phiên tòa, người khởi kiện bổ sung yêu cầu khởi kiện, yêu cầu Tòa án hủy Công văn số 3167/UBND-TNMT ngày 19/10/2023 của Ủy ban nhân dân huyện T về việc trả lời đơn của ông Huỳnh Thái B (người đại diện theo ủy quyền của bà Trần Thị H) ở tại thôn A, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Nam.

***Tại các văn bản có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện Ủy ban nhân dân huyện T trình bày:***

Ngày 15/02/2009, hộ bà Trần Thị H có Đơn xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 1099, tờ bản đồ số 01, diện tích 7.524m<sup>2</sup>, loại đất rừng sản xuất, địa chỉ thửa đất: thôn A, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Nam. Ngày 30/6/2010, UBND huyện T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BC 414373 cho ông Huỳnh T1 và bà Trần Thị H. Ngày 19 tháng 10 năm 2016, bà Trần Thị H nhận thừa kế (do ông Huỳnh T1 chết) đối với thửa đất nêu trên.

Theo Báo cáo số 204/BC-UBND ngày 25/12/2023 của UBND xã T thể hiện: Vào khoảng năm 1990, có một phần diện tích đất thuộc thửa đất số 1099, tờ bản đồ số 01 ông Huỳnh T1 và bà Trần Thị H đã làm nhà ở nhưng do quá trình kê khai và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 1099, tờ bản đồ số 01 không đúng quy định của pháp luật. UBND xã T đề nghị cấp có thẩm quyền xem xét, thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BC 414373.

Từ các cơ sở trên cho thấy, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BC 414373 đã cấp cho ông Huỳnh T1 và bà Trần Thị H đối với thửa đất số 1099, tờ bản đồ số 01 không đủ điều kiện được cấp, không đúng mục đích sử dụng đất. Do đó, UBND huyện T kính đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BC 414373 cấp cho ông Huỳnh T1 và bà Trần Thị H đối với thửa đất số 1099, tờ bản đồ số 01, diện tích 7.524m<sup>2</sup>, loại đất rừng sản xuất, địa chỉ thửa đất: thôn A, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Nam theo quy định của pháp luật.

***Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:***

*Về tố tụng:* Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử đúng thành phần, thực hiện đúng thủ tục phiên tòa, hỏi các đương sự và xác định rõ nội dung vụ án. Người tham gia tố tụng cung cấp tài liệu chứng cứ cho Tòa án đầy đủ, tham gia phiên tòa đúng theo giấy triệu tập của Tòa án. Hội đồng xét xử đã tạo điều kiện cho các đương sự tranh luận tại phiên tòa để làm rõ nội dung vụ án.

*Về nội dung:* Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 187 Luật Tố tụng hành chính năm 2015, đề nghị Hội đồng xét xử tạm ngừng phiên tòa để bổ sung, thu thập tài liệu chứng cứ sau:

- Bổ sung tư cách tố tụng đối với UBND xã T vào tham gia trong vụ án hành chính với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;

- Thu thập Phiếu lấy ý kiến khu dân cư về quá trình, hiện trạng sử dụng thửa đất số 1099, tờ bản đồ số 01, diện tích 7.524m<sup>2</sup>, địa chỉ tại đồi R - thôn A, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Nam của hộ gia đình bà Trần Thị H;

- Yêu cầu UBND xã T có văn bản trả lời: tại sao có sự mâu thuẫn trong việc xác nhận hiện trạng sử dụng đất của hộ bà Trần Thị H đối với thửa đất số 1099 tại thời điểm xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào năm 2009 và tại Báo cáo số 204/BC-UBND ngày 25/12/2023.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam. Hội đồng xét xử xét thấy;

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam đề nghị Hội đồng xét xử tạm ngừng phiên tòa để bổ sung, thu thập tài liệu chứng cứ gồm: Bổ sung UBND xã T vào tham gia trong vụ án hành chính với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; thu thập Phiếu lấy ý kiến khu dân cư về quá trình, hiện trạng sử dụng thửa đất số 1099, tờ bản đồ số 01, diện tích 7.524m<sup>2</sup> của hộ bà Trần Thị H; yêu cầu UBND xã T có văn bản trả lời tại sao có sự mâu thuẫn trong việc xác nhận hiện trạng sử dụng đất của hộ bà Trần Thị H đối với thửa đất số 1099 tại thời điểm xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào năm 2009 và tại Báo cáo số 204/BC-UBND ngày 25/12/2023.

Xét thấy, những nội dung đại diện Viện kiểm sát đề nghị tạm ngừng phiên tòa để làm rõ nêu trên đã được UBND xã T trả lời tại Báo cáo số 204/BC-UBND ngày 25/12/2023. Do đó, căn cứ quy định tại Điều 58, khoản 1 Điều 187 Luật Tố tụng hành chính, Hội đồng xét xử xét thấy không có căn cứ chấp nhận đề nghị tạm ngừng phiên tòa của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam.

[1.2] Theo đơn khởi kiện người khởi yêu cầu Tòa án giải quyết: Huỷ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BC 414373 ngày 30/6/2010 do Ủy ban nhân dân huyện T cấp cho ông Huỳnh T1 và bà Trần Thị H (địa chỉ: Thôn A, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Nam) đối với thửa đất số 1099, tờ bản đồ số 01, diện tích 7.524m<sup>2</sup>, loại đất rừng sản xuất; địa chỉ tại đồi R - thôn A, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Nam.

Tại phiên tòa, người khởi kiện bổ sung yêu cầu khởi kiện, yêu cầu Tòa án hủy Công văn số 3167/UBND-TNMT ngày 19/10/2023 của Ủy ban nhân dân huyện T về việc trả lời đơn của ông Huỳnh Thái B (người đại diện theo ủy quyền của bà Trần Thị H) ở tại thôn A, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Nam. Hội đồng xét xử xét thấy, Công văn số 3167/UBND-TNMT ngày 19/10/2023 của Ủy ban nhân dân huyện T là văn bản hành chính có liên quan đến quyết định hành chính bị khởi kiện. Căn cứ khoản 1 Điều 173 Luật Tố tụng hành chính, xét thấy việc bổ sung yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện ban đầu nên xét chấp nhận.

[1.3] Về quyền khởi kiện và thời hiệu khởi kiện:

Ngày 13/10/2023, ông Huỳnh Thái B (người đại diện theo ủy quyền của bà Trần Thị H) đã gửi đơn kiến nghị đến Ủy ban nhân dân huyện T đề yêu cầu thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BC 414373 ngày 30/6/2010 do Ủy ban nhân dân huyện T cấp cho ông Huỳnh T1 và bà Trần Thị H đối với thửa đất số 1099, tờ bản đồ số 01, diện tích 7.524m<sup>2</sup>, loại đất rừng sản xuất; địa chỉ tại đồi R - thôn A, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Nam. Ngày 19/10/2023, Ủy ban nhân dân huyện T ban hành

Công văn số 3167/UBND-TNMT trả lời đơn kiến nghị của ông Huỳnh Thái B là không có cơ sở thu hồi. Ngày 25/10/2023, bà Trần Thị H khởi kiện UBND huyện T tại Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam. Căn cứ khoản 1 Điều 115, điểm a khoản 2 Điều 116 Luật Tố tụng hành chính, bà H có quyền khởi kiện và yêu cầu khởi kiện của bà H còn trong thời hiệu khởi kiện.

[1.4] Căn cứ Điều 30, Điều 32, Điều 116 Luật Tố tụng hành chính, Tòa án thụ lý giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật về việc “*Khiếu kiện quyết định hành chính về lĩnh vực quản lý đất đai*” theo đúng thẩm quyền.

[2] Xét yêu cầu hủy Công văn số 3167/UBND-TNMT ngày 19/10/2023 của Ủy ban nhân dân huyện T về việc trả lời đơn của ông Huỳnh Thái B (người đại diện theo ủy quyền của bà Trần Thị H):

Năm 1990, ông Huỳnh T1 và bà Trần Thị H làm nhà ở và trồng cây trên diện tích đất tại thửa đất số 1099, tờ bản đồ số 01 tại đò R - thôn A, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Nam. Đến ngày 30/6/2010 ông T1 và bà H được UBND huyện T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BC 414373 đối với thửa đất số 1099, tờ bản đồ số 01, diện tích 7.524m<sup>2</sup>, loại đất rừng sản xuất tại đò R - thôn A, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Nam.

Ngày 20/8/2010, ông Huỳnh T1 chết. Ngày 06/10/2016, những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông T1 lập Văn bản phân chia di sản thừa kế thống nhất tự nguyện giao toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản trên đất tại thửa đất số 1099, tờ bản đồ số 01, diện tích 7.524m<sup>2</sup>, loại đất rừng sản xuất, địa chỉ tại đò R - thôn A, xã T, huyện T cho bà H được toàn quyền sở hữu, sử dụng. Ngày 19/10/2016, Chi nhánh Văn phòng Đ đã chỉnh lý biến động để thừa kế cho bà H tại trang 4 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BC 414373 của bà H.

Ngày 13/10/2023, bà H có đơn kiến nghị đề nghị UBND huyện T thu hồi, hủy bỏ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BC 414373 do Ủy ban nhân dân huyện T cấp cho ông Huỳnh T1 và bà Trần Thị H và lập thủ tục cấp mới lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà H.

Theo Báo cáo số 204/BC-UBND ngày 25/12/2023 của UBND xã T về việc kiểm tra, xác minh nguồn gốc đất của bà Trần Thị H thể hiện: “*Ngày 21 tháng 12 năm 2023, UBND xã T cử cán bộ chuyên môn đến tại khu dân cư số 01 để lấy ý kiến của 03 người dân tại thôn 01 gồm: Ông Huỳnh Văn N1, bà Nguyễn Thị C và ông Nguyễn Văn K, xác nhận thời điểm làm nhà của ông Huỳnh T1 và bà Trần Thị H trên thửa đất số 1099, tờ bản đồ số 01 tại thôn A xã T là khoảng vào năm 1990. Do trong quá trình kê khai cấp giấy chứng nhận theo Dự án 102, hộ ông Huỳnh T1 kê khai không đúng với hiện trạng. Trong tổng số diện tích 7.524m<sup>2</sup> đất rừng sản xuất tại thửa đất số 1099, tờ bản đồ số 01, có một phần diện tích ông Huỳnh T1 và bà Trần Thị H đã làm nhà ở vào khoảng năm 1990. UBND xã kính đề nghị cấp có thẩm quyền xem xét thu hồi Giấy chứng nhận của ông Huỳnh T1, để có cơ sở cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo đúng hiện trạng sử dụng*”.

Ngày 27/12/2023, UBND huyện T ban hành Công văn số 3967/UBND-TNMT về việc trả lời đơn của ông Huỳnh Thái B (người đại diện theo ủy quyền của bà H) có nội dung như sau:

“Qua kiểm tra Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BC 414737 và căn cứ các quy định của pháp luật liên quan đến Đơn của ông Huỳnh Thái B:

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BC 414737 do UBND huyện T cấp ngày 30/6/2010 cho ông Huỳnh T1 và bà Trần Thị H đối với thửa đất 1099, tờ bản đồ số 01, diện tích 7.524m<sup>2</sup>, loại đất: đất rừng sản xuất, nguồn gốc sử dụng đất: Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất. Ngày 19/10/2016 đã lập thủ tục thừa kế cho bà Trần Thị H theo quy định của pháp luật.

- Theo khoản 26 Điều 1 Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ quy định sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai quy định: “26. Sửa đổi, bổ sung khoản 4 và khoản 5 Điều 87 như sau:

“...5. Nhà nước không thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp trái pháp luật trong các trường hợp quy định tại điểm d khoản 2 Điều 106 của Luật Đất đai nếu người được cấp Giấy chứng nhận đã thực hiện thủ tục chuyển đổi, chuyển nhượng, thừa kế, tặng cho, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất và đã được giải quyết theo quy định của pháp luật...”.

- Căn cứ Luật Đất đai năm 2013 và các quy định của pháp luật khác có liên quan, UBND huyện T không có cơ sở thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BC 414737 do UBND huyện T cấp ngày 30/6/2010 cho ông Huỳnh T1 và bà Trần Thị H đối với thửa đất 1099, tờ bản đồ số 01 theo quy định của pháp luật”.

Hội đồng xét xử xét thấy, năm 1990 ông Huỳnh T1 và bà Trần Thị H làm nhà ở và trồng cây trên thửa đất số 1099, tờ bản đồ số 01, nhưng ngày 30/6/2010 UBND huyện T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Huỳnh T1 và bà Trần Thị H đối với thửa đất số 1099, tờ bản đồ số 01, diện tích 7.524m<sup>2</sup> với loại đất rừng sản xuất là không đúng với hiện trạng và mục đích sử dụng đất của ông T1 và bà H theo quy định pháp luật, tuy nhiên hiện nay bà H đã thực hiện việc chuyển quyền sử dụng thửa đất số 1099, tờ bản đồ số 01 (đã chuyển thừa kế cho bà H) và đã được Chi nhánh Văn phòng Đ chỉnh lý biến động tại trang 4 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà H. Do đó, căn cứ quy định tại điểm d khoản 2 Điều 106 Luật Đất đai năm 2013:

*“2. Nhà nước thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp trong các trường hợp sau đây: ...*

*d. Giấy chứng nhận đã cấp không đúng thẩm quyền, không đúng đối tượng sử dụng đất, không đúng diện tích đất, không đủ điều kiện được cấp, không đúng mục đích sử dụng đất hoặc thời hạn sử dụng đất hoặc nguồn gốc sử dụng đất theo quy định của pháp luật đất đai, trừ trường hợp người được cấp*

***Giấy chứng nhận đã thực hiện chuyển quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất theo quy định của pháp luật đất đai”.***

Và mục 26 Điều 1 Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ quy định: “5. Nhà nước không thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp trái pháp luật trong các trường hợp quy định tại điểm d khoản 2 Điều 106 của Luật Đất đai nếu người được cấp Giấy chứng nhận đã thực hiện thủ tục chuyển đổi, chuyển nhượng, thừa kế, tặng cho, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất và đã được giải quyết theo quy định của pháp luật”.

UBND huyện T ban hành Công văn số 3167/UBND-TNMT ngày 19/10/2023 trả lời đơn của ông Huỳnh Thái B là không có căn cứ để thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BC 414737 đã cấp cho ông Huỳnh T1 và bà Trần Thị H là có cơ sở nên không có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị H về việc hủy Công văn số 3167/UBND-TNMT ngày 19/10/2023 của UBND huyện T.

[3] Xét yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BC 414373 ngày 30/6/2010 do Ủy ban nhân dân huyện T cấp cho ông Huỳnh T1 và bà Trần Thị H đối với thửa đất số 1099, tờ bản đồ số 01, diện tích 7524m<sup>2</sup>, loại đất rừng sản xuất; địa chỉ tại đồi R - thôn A, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Nam:

Hội đồng xét xử xét thấy, như đã phân tích tại mục [2], UBND huyện T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BC 414373 ngày 30/6/2010 cho ông Huỳnh T1 và bà Trần Thị H đối với thửa đất số 1099, tờ bản đồ số 01, diện tích 7.524m<sup>2</sup> với loại đất rừng sản xuất là không đúng với hiện trạng và mục đích sử dụng đất của bà H nên yêu cầu khởi kiện của bà H về việc hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BC 414373 ngày 30/6/2010 do Ủy ban nhân dân huyện T cấp cho ông Huỳnh T1 và bà Trần Thị H đối với thửa đất số 1099, tờ bản đồ số 01, diện tích 7.524m<sup>2</sup>, loại đất rừng sản xuất; địa chỉ tại đồi R - thôn A, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Nam là có căn cứ chấp nhận.

[4] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận một phần nên người bị kiện phải chịu án phí hành chính sơ thẩm theo quy định pháp luật. Bà Trần Thị H là người cao tuổi, thuộc trường hợp được miễn nộp tiền tạm ứng án phí, án phí.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Điều 30, Điều 32, Điều 116, điểm b khoản 2 Điều 193, Điều 348 Luật Tố tụng hành chính năm 2015; điểm d khoản 2 Điều 106 Luật Đất đai năm 2013; khoản 26 Điều 1 Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Xử:**

[1] Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện bà Trần Thị H: Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BC 414373 ngày 30/6/2010 do Ủy ban nhân dân huyện T cấp cho ông Huỳnh T1 và bà Trần Thị H (địa chỉ: Thôn A, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Nam) đối với thửa đất số 1099, tờ bản đồ số 01, diện tích 7.524m<sup>2</sup>, loại đất rừng sản xuất; địa chỉ tại đồi R - thôn A, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Nam.

[2] Bác một phần yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện bà Trần Thị H về yêu cầu hủy Công văn số 3167/UBND-TNMT ngày 19/10/2023 của Ủy ban nhân dân huyện T về việc trả lời đơn của ông Huỳnh Thái B (người đại diện theo ủy quyền của bà Trần Thị H) ở tại thôn A, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Nam.

[3] Về án phí: Ủy ban nhân dân huyện T phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính sơ thẩm.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật để yêu cầu Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử lại vụ án theo trình tự phúc thẩm.

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Quảng Nam;
- Cục THADS tỉnh Quảng Nam;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu HCTP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã ký)**

**Lê Thị Anh Đào**